UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1308 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 20 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre, xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định số 5213/QĐ-UBND ngày 04/12/2020, số 657/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hỗ trợ kinh phí, dự toán chi phí các công việc thực hiện giai đoạn chuẩn bị Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre, xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh;

Căn cứ Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre tại xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 51/TTr-SNN&PTNT ngày 14/4/2021 (kèm theo thông báo kết quả thẩm định số

1084/SNN&PTNT-QLXDCT ngày 23/3/2021 và hồ sơ liên quan) về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre, xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre, xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh, với những nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre, xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh.

2. Tên chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng hạ tầng Huy Hoàng.

4. Mục tiêu đầu tư: Khắc phục khẩn cấp hậu quả do mưa, lũ năm 2020 gây ra, đảm bảo an toàn hồ Khe Tre, phục vụ nước tưới chủ động cho khoảng 230 ha đất sản xuất nông nghiệp, góp phần nâng cao năng suất, cải thiện đời sống của nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

5. Quy mô đầu tư và các thông số thiết kế chủ yếu:

5.1. Quy mô đầu tư:

- Diện tích tưới: F = 230 ha.
- Tần suất đảm bảo tưới: P = 85%.
- Tần suất lũ thiết kế: P = 1,5%.
- Tần suất lũ kiểm tra: P = 0,5%.

5.2. Các thông số thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số cơ bản	Đơn vị	Trị số
1	Hồ chứa		
-	Diện tích lưu vực	km^2	10,70
-	Cao trình mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	(+26.50)
-	Cao trình mực nước chết (MNC)	m	(+23.00)
-	Cao trình mực nước lũ thiết kế (MNLTK) (P = 1,5%)	m	(+28.30)
-	Cao trình mực nước lũ kiểm tra (MNLKT) (P = 0,5%)	m	(+28.57)

TT	Thông số cơ bản	Đơn vị	Trị số
-	Dung tích chết	10^3m^3	32,00
-	Dung tích ứng với MNDBT	10^3m^3	701,13
-	Dung tích hữu ích	10^3m^3	669,13
-	Dung tích ứng với MNLTK	10^3m^3	1.451,81
-	Dung tích ứng với MNLKT	10^3m^3	1.596,13
2	Đập đất		
-	Đỉnh đập		
+	Cao trình đỉnh đập thiết kế	m	(+29.50)
+	Chiều rộng đỉnh đập thiết kế	m	5,0
-	Chiều cao đập lớn nhất	m	9,9
-	Hệ số mái thượng lưu		3,0
-	Mái hạ lưu		
+	Cao trình cơ	m	(+25.50)
+	Chiều rộng mặt cơ	m	4,5
+	Hệ số mái trên cơ		2,0
+	Hệ số mái dưới cơ		2,5
3	Đập tràn xả lũ		
-	Lưu lượng tràn thiết kế (P = 1,5%)	m^3/s	162,43
-	Lưu lượng tràn kiểm tra (P = 0,5%)	m^3/s	201,01
-	Cột nước tràn thiết kế (P = 1,5%)	m	1,80
-	Cột nước tràn kiểm tra (P = 0,5%)	m	2,073
-	Ngưỡng đập tràn		
+	Cao trình ngưỡng	m	(+26.50)
+	Chiều rộng ngưỡng	m	40,0
+	Chiều dày ngưỡng	m	2,56
-	Bể tiêu năng		
+	Chiều rộng bể	m	40,0
+	Chiều dài bể	m	15,0
+	Chiều dài gia cố sau tiêu năng	m	39,50
4	Tuyến đường thi công kết hợp QLVH		

TT	Thông số cơ bản	Đơn vị	Trị số
-	Chiều dài tuyến đường	m	217,45
-	Chiều rộng nền mặt đường	m	3,50
-	Hệ số mái đào, đắp		1,50

6. Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

6.1. Nội dung đầu tư: Nâng cấp, sửa chữa đập đất; xây dựng lại mới đập tràn xả lũ; hoàn trả tuyến đường thi công kết hợp quản lý vận hành (QLVH).

6.2. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Đập đất: Trên cơ sở vị trí, hướng tuyến đập hiện trạng được sửa chữa, nâng cấp với hình thức, kết cấu như sau:

- Thân đập: Mặt đập hiện trạng (được thi công theo hồ sơ công trình cải tạo nâng cấp đường giao thông nối Quốc lộ 45 với đường tỉnh 505, huyện Như Thanh, chủ đầu tư là UBND huyện Như Thanh) có cao trình trên (+29.52) m, chiều rộng mặt từ (8-9) m, đã đảm bảo yêu cầu thiết kế; chỉ đắp áp trúc và tạo cơ đập phía hạ lưu theo tiêu chuẩn hiện hành bằng đất đầm nén đảm bảo độ chặt yêu cầu K ≥ 0,95, dung trọng thiết kế γtk ≥ 1,54 T/m^3, cao trình đỉnh cơ tại (+25.50) m, chiều rộng mặt cơ B = 4,5 m.

- Mái thượng lưu:

+ Bóc bỏ kết cấu gia cố mái cũ (đá hộc lát khan nhiều vị trí đã bị xô tụt, hư hỏng) phạm vi từ đỉnh mái xuống cao trình (+25.50) m; tận dụng đá hộc cũ để đắp tạo lăng thể tựa chân mái thượng lưu, cao trình đỉnh lăng thể tại (+25.50) m, chiều rộng đỉnh B = 3,5 m, hệ số mái ngoài m = 2, mặt lộ thiên được chêm chèn chặt dày 30 cm.

+ Từ cao trình đỉnh lăng thể (+25.50) m lên đỉnh đập thiết kế (+29.50) m được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250 kích thước (40x40x12) cm trên lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 (hoặc tương đương). Chân khay đỡ mái, dầm dọc, ngang mái bằng bê tông cốt thép (BTCT) M250 đổ tại chỗ, dọc tuyến cứ 11,8 m được cắt một khe lún chèn giấy dầu tẩm nhựa đường.

- Mái hạ lưu:

+ Từ cao trình đỉnh đập thiết kế (+29.50) m xuống (+23.42) m được bảo vệ bằng trồng cỏ trong ô lục lăng bằng bê tông thường.

+ Thoát nước hạ lưu: Kiểu áp mái kết hợp lăng trụ, cao trình đỉnh áp mái tại (+23.42) m; kết cấu áp mái bằng đá hộc lát khan dày 30 cm trên lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và một lớp vải địa kỹ thuật ART-15 (hoặc tương đương), dầm khóa đỉnh áp mái bằng bê tông thường (BTT) M200; kết cấu lăng trụ gồm các lớp vật liệu từ trên xuống: đá hộc lát khan dày 30 cm, đá hộc xếp chèn chặt dày trung bình 185 cm, đá dăm (1x2) cm dày 30 cm, đá dăm lót (0,5x1) cm dày

30 cm, cát hạt thô dày 30 cm.

+ Cơ hạ lưu tại cao trình (+25.50) m: Mặt cơ được gia cố bằng BTT M200 dày 20 cm; rãnh thoát nước mép trong mặt cơ và rãnh dọc mái bằng BTT M200, kích thước rãnh (BxH) = (30x30) cm.

b) Đập tràn xả lũ: Cắt bỏ bê tông thân ngưỡng đập tràn cũ xuống đến cao trình (+23.30) m; phá dỡ tường bê tông gia cố 2 bên vai đập tràn hiện đã hư hỏng, sập gãy. Xây dựng lại đập tràn mới kiểu mặt cắt thực dụng xả lũ tự do; vị trí tuyến mới cách đập tràn cũ 66 m về phía thượng lưu. Hình thức, kết cấu như sau:

- Ngưỡng đập tràn có lõi bằng BTT M200, mặt ngoài bọc BTCT M250. Gia cố 2 bên vai ngưỡng bằng tường BTCT M250 và BTT M200 găm sâu vào đồi đất tự nhiên. Cửa vào thượng lưu có tường bên kiểu bản góc - sườn chống bằng BTCT M250; gia cố mái và sân trước bằng BTT M200, chân mái bố trí lỗ thoát nước giảm áp. Hạ lưu ngưỡng gồm dốc nước, bể tiêu năng, gia cố sân sau tiêu năng bằng BTCT M250; chân các đoạn tường bên và đáy đầu đoạn gia cố thứ nhất được bố trí lỗ thoát nước giảm áp; chuyển tiếp từ cuối đoạn gia cố thứ 2 về tiếp giáp thượng lưu ngưỡng đập tràn cũ bằng BTT M200. Làm lại tường găm từ thân ngưỡng cũ về đồi đất tự nhiên (cả 2 phía vai đập tràn cũ) bằng tường BTCT M250, tạo phản áp sau tường bằng xếp rọ đá hộc, kích thước rọ (2x1x0,5) m, chuyển tiếp về đất tự nhiên bằng đá hộc xếp khan dày 30 cm.

- Đáy các bộ phận bằng BTCT lót 10 cm BTT M100, đáy các bộ phận bằng BTT lót 1 lớp ni lông tái sinh. Kín nước khớp nối giữa các đơn nguyên ngưỡng đập tràn, các đoạn dốc nước và bể tiêu năng bằng băng cản nước PVC; các khe lún khác chèn giấy dầu tẩm nhựa đường.

c) Hoàn trả đường thi công kết hợp QLVH: Sử dụng nền tuyến đường từ vai tả đập đất đi ven bờ hồ vào đến vai hữu đập tràn với chiều dài 217,45 m làm đường thi công; hình thức, kết cấu: bóc bỏ phong hóa, đào tạo khuôn đường, gia cố nền mặt đường rộng B = 3,5 m bằng cấp phối đá dăm loại 2 lu lèn chặt dày (30-50) cm theo mặt cắt thiết kế; sau khi thi công hoàn thành công trình được sử dụng làm đường QLVH.

7. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp III.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh.

9. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 2.169 m^2.

10. Phương án giải phóng mặt bằng: UBND huyện Như Thanh tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Tổng mức đầu tư: **14.819,7 triệu đồng;**

Trong đó:

Chi phí xây dựng:	11.743,4	triệu đồng;
Chi phí quản lý dự án:	265,4	triệu đồng;
Chi phí tư vấn ĐTXD:	1.536,6	triệu đồng;
Chi phí khác:	164,2	triệu đồng;
Chi phí bồi thường GPMB:	481,4	triệu đồng;
Chi phí dự phòng:	628,7	triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn dự phòng ngân sách tỉnh năm 2020 theo Quyết định số 5213/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý thực hiện dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Giao UBND huyện Như Thanh cập nhật diện tích sử dụng đất (khoảng 2.169 m^2) vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Như Thanh, Nông Cống và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình xử lý khẩn cấp hồ Khe Tre, xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống và xã Yên Lạc, huyện Như Thanh

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Tổng mức đầu tư
I	**Chi phí xây dựng (Gxd)**		**11.743,4**
II	**Chi phí quản lý dự án**	3,108%xGxd/1,1x0,8	**265,4**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng**		**1.536,6**
1	Chi phí khảo sát	Theo QĐ số 657/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	450,267
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát		13,508
3	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật		461,619
4	Chi phí giám sát khảo sát		16,668
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,577%xGxd	302,628
6	Chi phí lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Theo QĐ số 657/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	231,878
7	Chi phí giám sát môi trường	Tạm tính	60,000
IV	**Chi phí khác**		**164,2**
1	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,019%xTMĐTx0,5	1,408
2	Chi phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường	Theo QĐ số 657/QĐ-UBND ngày 25/02/2021	5,000
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,34%xTMĐTlt	49,102
4	Chi phí bảo hiểm công trình	0,84%xGxd	98,645
5	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Tạm tính	10,000
V	**Chi phí bồi thường GPMB**	Tạm tính	**481,4**
VI	**Chi phí dự phòng**	4,43%x(I+II+III+IV+V)	**628,7**
	Tổng cộng		**14.819,7**